

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ DV HẢI PHÒNG

THẨM TRA

Theo văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Chức vụ và tên:.....

THUYẾT MINH BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

**CÔNG TRÌNH: NẠO VÉT TUYẾN KÊNH TỪ GÓC ĐA MIẾU BÀ ĐẾN CỐNG
BÀ XOÀNG, THÔN PHONG CẦU 2, XÃ KIẾN MINH**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG : XÃ KIẾN MINH – TP.HẢI PHÒNG

CHỦ ĐẦU TƯ : PHÒNG KINH TẾ XÃ KIẾN MINH

PHÒNG KINH TẾ XÃ KIẾN MINH

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



VIEN DONG CONACO

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ HẢI PHÒNG

THẨM TRA

Theo văn bản số:.....

ngày.....tháng.....năm.....

Chủ trì bộ môn ký tên:.....

THYẾT MINH BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH: NẠO VẾT TUYẾN KÊNH TỪ GÓC ĐA MIẾU BÀ ĐẾN CỐNG
BÀ XOÀNG, THÔN PHONG CẦU 2, XÃ KIẾN MINH

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG : XÃ KIẾN MINH – TP.HẢI PHÒNG

CHỦ ĐẦU TƯ

PHÒNG KINH TẾ XÃ KIẾN MINH

PHÒNG KINH TẾ XÃ KIẾN MINH

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:.....

CHỦ ĐẦU TƯ



TRƯỞNG PHÒNG

Vũ Hữu Hiệp

ĐƠN VỊ LẬP



GIÁM ĐỐC

Vũ Chí Huê

Kiến Minh, ngày tháng năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

**CÔNG TRÌNH: NẠO VẾT TUYẾN KÊNH TỪ GÓC ĐA MIẾU BÀ ĐẾN CỐNG BÀ
XOÀNG, THÔN PHONG CẦU 2, XÃ KIẾN MINH**

NHỮNG CĂN CỨ LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT:

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;
- Nghị định số 175/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
- Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 11/2021/TT-BXD.
- Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình;
- Thông tư 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng
- Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/08/2024 của Bộ xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức ban hành tại Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng;
- Thông tư 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD, Thông tư 11/2021/TT-BXD, Thông tư 13/2023/TT-BXD;



- Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/05/2025 của Bộ Xây dựng sửa sổi bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

- Quyết định số 152/2025/QĐ-UBND ngày 09/09/2025 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Quyết định 65/QĐ-SXD ngày 14/01/2026 của Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng về việc Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn TP Hải Phòng;

- Quyết định số 66/QĐ-SXD ngày 14/01/2026 của Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng về việc Công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn TP Hải Phòng;

- Thông báo giá số 160/TB-SXD ngày 9/3/2026 của Sở xây dựng thành phố Hải Phòng về việc công bố thông tin giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng tháng 03 năm 2026;

- Các văn bản hiện hành của Nhà nước.

Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng Viễn Đông kính trình Ủy ban nhân dân xã Kiến Minh và các Phòng, Ban liên quan Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nạo vét tuyến kênh từ gốc đa Miếu Bà đến cống Bà Xoàng, thôn Phong Cầu 2, xã Kiến Minh với các nội dung chính như sau:

CHƯƠNG I:

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình: Nạo vét tuyến kênh từ gốc đa Miếu Bà đến cống Bà Xoàng, thôn Phong Cầu 2, xã Kiến Minh

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình.

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C (theo quy định tại Điều 10 Luật Đầu tư công).
- Phân loại công trình: Công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- Phân cấp công trình: Công trình cấp IV.

3. Cấp quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Kiến Minh

4. Tên chủ đầu tư: Phòng kinh tế xã Kiến Minh.

5. Địa điểm thực hiện: Xã Kiến Minh, TP Hải Phòng.

6. Dự kiến tổng mức đầu tư: 375.970.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi năm triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn./.)

7. Nguồn vốn đầu tư dự kiến: Ngân sách nhà nước

8. Thời gian thực hiện: Năm 2026.

9. Đơn vị tư vấn lập BCKTKT: Công ty cổ phần Kiến trúc xây dựng Viễn Đông.

10. Chủ nhiệm lập báo cáo KTKT: Nguyễn Hữu Cường



CHƯƠNG II:

NỘI DUNG BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

I. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ, CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ, ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỚI QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ.

1. Sự cần thiết đầu tư:

1.1. Hiện trạng công trình:

Tuyến kênh từ gốc Đa miếu Bà đến cống bà Xoàng, Phong Cầu 2, xã Kiến Minh là kênh thủy lợi đã sử dụng lâu ngày. Lòng kênh nhiều bùn lầy, nông đầy. Đặc biệt là mùa mưa bão khi xuất hiện mưa lớn, nước tại các khu dân cư đổ ra, kênh dẫn nước không kịp nên gây úng lụt cục bộ phần lớn diện tích canh tác ảnh hưởng đến năng suất cây trồng, đồng thời gây ô nhiễm môi trường tác động xấu đến đời sống của nhân dân.

1.2. Sự cần thiết phải đầu tư:

Công trình có nhiệm vụ trữ nước, tưới nước phục vụ tưới nông nghiệp và tiêu thoát nước nông nghiệp, bờ kênh thực hiện nhiệm vụ giao thông nội đồng, đường sản xuất cho máy nông nghiệp và đường phòng chống lụt bão của địa phương.

Với yêu cầu điều tiết nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và đảm bảo vệ sinh môi trường, tránh úng lụt và công tác phòng chống lụt bão của địa phương thì việc đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo công trình là hết sức cần thiết.

2. Các điều kiện để thực hiện đầu tư.

1.1. Đặc điểm, điều kiện tự nhiên tại khu vực xây dựng.

1.1.1. Vị trí địa lý:

- Công trình thuộc xã Kiến Minh, Thành phố Hải Phòng.

1.1.2. Khí hậu, thời tiết:

- Xã Kiến Minh, Hải Phòng thuộc vùng đồng bằng Bắc Bộ, mang đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa. Thời tiết trong năm chia làm 4 mùa, trong đó mùa xuân và mùa thu là hai mùa chuyển tiếp, mùa hạ và mùa đông có khí hậu trái ngược nhau, mùa đông khô hanh và lạnh, mùa hè nóng ẩm, đặc điểm cụ thể như sau:

+ **Nhiệt độ không khí:** Tháng có nhiệt độ trung bình cao nhất trên 26,7 0C và thấp nhất 20,7 0C. Nhiệt độ trung bình năm đạt 23,10C. Các giá trị nhiệt độ trung bình, trung bình cao và cao nhất đều tập trung trong tháng 7.

+ **Gió:** Theo tài liệu gió tại trạm Hòn Dấu nhiều năm cho thấy tốc độ gió lớn nhất nhiều lần đo được là 40m/s theo hướng Đông Đông Bắc (EN E) năm 1975; hướng Bắc Tây Bắc (NNW) năm 1977; hướng Nam Đông Nam (SSE) năm 1980; hướng Tây Nam, Nam (SW, S) năm 1989. Gió chủ yếu ở tốc độ từ 0,1m/s đến 8,9m/s; gió thịnh hành nhất là hướng Đông chiếm 28,27%; gió hướng Bắc chiếm 14,36%; gió lặng chiếm 5,6%. Từ tháng 10 đến tháng 1 gió thịnh hành hướng Đông



và hướng Bắc; tháng 2 đến tháng 5 gió thịnh hành hướng Đông; Tháng 6 đến tháng 8 gió thịnh hành hướng Nam và Đông Nam; Tháng 9 gió có nhiều hướng.

+ **Bão:** Địa phương chịu ảnh hưởng trực tiếp của các cơn bão đổ bộ vào vùng Duyên hải Bắc Bộ, bão thường gây mưa lớn gió mạnh ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất, đời sống, hàng năm thường có từ 01 cơn bão đổ bộ, tháng có nhiều bão nhất là tháng 8. Sức gió mạnh nhất trong bão đo được đến cấp 13 vận tốc >133km/h.

+ **Mưa:** Tổng lượng mưa trung bình năm khu vực 1.697mm. Theo giới hạn tổng lượng mưa tháng 100mm thì mùa mưa ở đây bắt đầu từ tháng 5 ÷ 10, tập trung vào các tháng 6 ÷ 9, cao nhất vào tháng 8. Phân bố mưa trong mùa mưa chiếm ~85% tổng lượng cả năm. Tháng 12 có tổng lượng mưa trung bình nhỏ nhất là 20mm. Tổng lượng mưa mùa mưa chiếm 86,5% lượng mưa năm. Số ngày mưa trung bình năm là 146 ngày. Tháng 8 có số ngày mưa nhiều nhất 17,4 ngày, tháng 12 có số ngày mưa ít nhất là 5,2 ngày.

+ **Độ ẩm không khí:** Khu vực Hải Phòng nhìn chung có độ ẩm không khí khá cao, độ ẩm tương đối trung bình năm khu vực đạt 85%, các tháng có độ ẩm cao là tháng 3,4 với độ ẩm trung bình từ 90-92%.

+ **Nắng:** Số giờ nắng trung bình 1.600-1.800giờ/năm.

1.1.3. Thủy văn:

- Khu vực nghiên cứu nằm trong vùng lưu vực của sông Thái Bình, chịu ảnh hưởng của chế độ thủy văn biển mà đặc trưng là chế độ thủy triều. Tính chất của thủy triều là nhật triều thống nhất với hầu hết số ngày trong tháng. Trong một ngày thủy triều cũng thay đổi từng giờ theo chu kỳ với biên độ dao động 1,9 m ÷ 3,50 m, mực nước trung bình 2,75m. Kết quả điều tra cho thấy:

+ Hệ thống kênh mương khá phát triển, phân bố đồng đều trong xã. Tuy nhiên vào mùa mưa khi cường độ mưa lớn và tập trung khả năng tiêu úng chậm đã gây ra ngập úng cục bộ cho các vùng thấp, trũng, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

+ Nước mặt: Phân bố chủ yếu trong các ao đầm, các khu ruộng, chịu ảnh hưởng theo mùa và chế độ điều tiết của hệ thống thủy lợi trong vùng.

+ Trữ lượng nước ngầm khá dồi dào, khai thác ở độ sâu 40-120 m. Lượng nước ngầm tại các giếng khoan đạt từ 30-50 m³/ngày đêm. Nguồn nước này nằm chủ yếu trong tầng chứa nước lỗ hổng Pleitôxen, hàm lượng Cl<200mg/l.

1.2. Đặc điểm hiện trạng mặt bằng xây dựng:

- Thoát nước: Toàn bộ nước mặt được thoát ra hệ thống thoát nước chung trong khu vực.

- Về giao thông: Công trình nằm sâu trong nội đồng, giáp đê hữu Văn Úc nên giao thông rất khó khăn.



1.3. Hạ tầng kỹ thuật:

1.3.1. Giao thông: Giao thông kết nối với khu vực chỉ thông qua tuyến đường nội đồng vì vậy việc vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công công trình rất khó khăn. Đường vận chuyển vật liệu dự kiến trên đê Hữu Văn Úc và vận chuyển bằng thủ công xuống công trình, cự ly từ mặt đê xuống công trình là 60m.

1.3.2. Cấp, thoát nước: Tại khu vực thi công công trình có hệ thống mương thoát nước đầy đủ.

1.3.3. Cấp điện: Khu vực thi công công trình hiện tại không có nguồn cung cấp điện.

1.4. Đánh giá các điều kiện để thực hiện đầu tư.

1.4.1. Thuận lợi:

- Mặt bằng khu đất về điều kiện địa hình, địa chất, hiện trạng giao thông nội bộ, hạ tầng kỹ thuật,... là tương đối thuận lợi cho việc triển khai đầu tư xây dựng công trình.

1.4.2. Khó khăn:

- Công trình nằm sâu trong nội đồng nên việc vận chuyển máy móc, vật liệu là rất khó khăn.

3. Đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư.

- *Sự phù hợp với quy hoạch:* Công trình nằm tại vị trí công trình hiện trạng nên hoàn toàn phù hợp với Quy hoạch của địa phương cũng như Quy hoạch chung của Thành phố.

- *Sự phù hợp với kế hoạch đầu tư:* Công trình nằm trong danh mục các dự án được bố trí từ kế hoạch đầu tư cấp bách của xã Kiến Minh, TP Hải Phòng.

II. MỤC TIÊU, ĐỊA ĐIỂM, QUY MÔ VÀ GIẢI PHÁP THIẾT KẾ THI CÔNG XÂY DỰNG.

1. Mục tiêu đầu tư.

Điều tiết nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và đảm bảo vệ sinh môi trường. Hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi nội đồng, hoàn thiện các tiêu chí về nông nghiệp – thủy lợi, đáp ứng yêu cầu về giao thông nội đồng, giao thông cho quá trình phòng chống lụt bão của nhân dân cũng như các phương tiện cơ giới nông nghiệp.

2. Địa điểm xây dựng.

- Công trình được xây dựng tại xã Kiến Minh, TP Hải Phòng.

3. Quy mô đầu tư.

Nạo vét, đắp bờ kênh, đảm bảo cho việc lưu thông, đi lại, tưới, tiêu nước của bà con cũng như máy nông cụ, và các phương tiện giao thông khác trong công tác sản xuất cây trồng của địa phương;

(Chi tiết xem thiết kế bản vẽ thi công)



Nhóm, loại và cấp công trình.

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C (theo quy định tại Điều 10 Luật Đầu tư công).
- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- Cấp công trình: Cấp IV.

4. Giải pháp thiết kế thi công xây dựng.

4.1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng.

4.2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng.

**/ Tiêu chuẩn, quy phạm áp dụng trong Khảo sát:*

- Hệ tọa độ quốc gia VN2000, kinh tuyến trực $145^{\circ}45'$, múi chiều 3° ;
- Tiêu chuẩn ngành 96 TCN 43 – 90 Quy phạm Đo vẽ bản đồ địa hình;
- TCVN 8478-2018: Thành phần, khối lượng khảo sát hình trong giai đoạn lập dự án và thiết kế bản vẽ thi công công trình thủy lợi;
- TCVN 8223:2009: Công trình thủy lợi – các quy định chủ yếu về đo địa hình, xác định tim kênh và công trình trên kênh;

**/ Tiêu chuẩn, quy phạm áp dụng trong thiết kế:*

- QCVN 04-05:2022/BNNT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;
- TCVN 4118:2012: Công trình thủy lợi – hệ thống tưới tiêu – yêu cầu thiết kế;
- TCVN 8305:2009: Công trình thủy lợi - Kênh đất - Yêu cầu kỹ thuật trong thi công và nghiệm thu;
- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam;
- Các quy trình, quy phạm hiện hành khác;

4.3. Giải pháp thiết kế:

Công trình được thiết kế với thông số kỹ thuật như sau:

* Tuyến kênh Đồng Dầm:

- Tổng chiều dài tuyến thiết kế: $L = 684,00\text{m}$
- Cao trình đỉnh bờ kênh: $Z_{\text{đỉnh}} = +1,80\text{m}$
- Hệ số mái bờ kênh: $m_{\text{bờ}} = 1,0$
- Hệ số mái kênh: $m_{\text{kênh}} = 1,0$
- Cao trình đáy kênh: $Z_d = -0,50\text{m}$
- Chiều rộng đáy kênh: $B = 5,00\text{m}$
- Tại các vị trí kênh ngang, lắp đặt cống Buy D600, chiều dài 4,0m qua bờ kênh

(Các chi tiết khác theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt)

III. NHU SỬ DỤNG ĐẤT VÀ PHƯƠNG ÁN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

1. Nhu cầu sử dụng đất.

- Tại vị trí công trình hiện trạng.

2. Phạm vi giải phóng mặt bằng.



- Công trình không phải giải phóng mặt bằng.

3. Phương án giải phóng mặt bằng.

- Công trình không phải giải phóng mặt bằng.

IV. DỰ KIẾN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ, KHẢ NĂNG CÂN ĐỐI NGUỒN VỐN VÀ VIỆC HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN VỐN.

1. Cơ sở lập dự toán tổng mức đầu tư:

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;
- Nghị định số 175/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
- Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 11/2021/TT-BXD.
- Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình;
- Thông tư 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/08/2024 của Bộ xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức ban hành tại Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng;



- Thông tư 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD, Thông tư 11/2021/TT-BXD, Thông tư 13/2023/TT-BXD;

- Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/05/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

- Quyết định số 152/2025/QĐ-UBND ngày 09/09/2025 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Quyết định 65/QĐ-SXD ngày 14/01/2026 của Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng về việc Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn TP Hải Phòng;

- Quyết định số 66/QĐ-SXD ngày 14/01/2026 của Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng về việc Công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Thông báo giá số 160/TB-SXD ngày 9/3/2026 của Sở xây dựng thành phố Hải Phòng về việc công bố thông tin giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng tháng 03 năm 2026;

- Các văn bản hiện hành của Nhà nước.

- Khối lượng dự toán theo Hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công.

2. Tổng mức đầu tư: 375.970.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi năm triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn./.)

Trong đó:

đơn vị: đồng

Chi phí xây dựng : 294.400.000

Chi phí quản lý dự án : 9.606.000

Chi phí tư vấn ĐTXD : 48.319.000

Chi phí khác : 5.745.000

Chi phí dự phòng : 17.903.000

3. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước

V.XÁC ĐỊNH SƠ BỘ CHI PHÍ LIÊN QUAN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ CHI PHÍ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH SAU KHI HOÀN THÀNH

- Các chi phí có liên quan trong quá trình thực hiện dự án bao gồm: chi phí xây dựng, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác



(bao gồm cả dự phòng của các chi phí trên). Tất cả các chi phí này được tính toán và thể hiện đầy đủ trong tổng mức đầu tư của dự án.

- Chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành là chi phí cho công tác duy tu, bảo dưỡng. Sau khi công trình hoàn thành sẽ được giao về cho đơn vị quản lý. Đơn vị quản lý chịu trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng để đảm bảo tốt chất lượng khai thác công trình. Chi phí duy tu, sửa chữa công trình không nằm trong chi phí đầu tư xây dựng công trình mà sẽ được lấy từ nguồn thu hợp pháp khác.

VI. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ VỀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI; XÁC ĐỊNH SƠ BỘ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Sơ bộ đánh giá tác động đối với giao thông, môi trường, xã hội và các biện pháp giảm thiểu:

1.1. Tác động đến giao thông nội bộ.

- Khi triển khai thực hiện công trình sẽ ảnh hưởng đến người và xe qua lại. Do đó có thể làm tăng nguy cơ mất an toàn.

1.2. Tác động đến môi trường.

- Trong thi công, những hoạt động như phá dỡ, vận chuyển và sử dụng vật liệu sẽ làm tăng lượng bụi, gây ra tình trạng ô nhiễm không khí. Môi trường xung quanh sẽ bị tác động bởi tình trạng ô nhiễm này. Mặc dù những tác động này sẽ tự mất đi sau khi dừng thi công, nhưng các biện pháp giảm thiểu cần được tiến hành để giảm lượng bụi này.

- Trong thi công, hoạt động của các máy thiết bị, xe vận chuyển, là những nguồn chính gây ồn. Cũng như đối với tình trạng ô nhiễm không khí, mặc dù những tác động này chỉ tạm thời, song rất cần thiết phải có những biện pháp giảm thiểu.

1.3. Các biện pháp giảm thiểu.

- Tưới nước khi trời hanh khô hay nắng nóng.
- Duy trì máy móc thiết bị đủ tiêu chuẩn phát thải ồn.
- Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động này trong thi công.
- Khi xây dựng cần hạn chế đến mức thấp nhất việc làm ảnh hưởng xấu tới các công trình lân cận. Khi có mặt bằng tranh thủ gọn và nhanh chóng lập lại cân bằng sinh thái.

- Có các biển cảnh báo công trường đang thi công để đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thi công.

2. Xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội.

- Hiệu quả kinh tế: Sửa chữa, nạo vét cống và kênh thủy lợi nội đồng phục vụ tưới, tiêu tăng năng suất cây trồng. Đồng thời công trình làm cho việc đi lại của người dân được an toàn, lưu thông hàng hóa được thuận lợi do đó thúc đẩy sản xuất, phát triển kinh tế, đời sống của nhân dân được nâng cao.



- Hiệu quả xã hội, chính trị: Cơ sở vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao giúp ổn định tư tưởng, chính trị của xã hội.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- 1. Cấp quyết định đầu tư:** Ủy ban nhân dân xã Kiến Minh
- 2. Chủ đầu tư:** Phòng Kinh tế xã Kiến Minh.
- 3. Hình thức tổ chức quản lý dự án:** Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.
- 4. Lựa chọn các nhà thầu tư vấn, thi công xây dựng:** Lựa chọn theo quy định của Pháp luật về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng.



CHƯƠNG III:

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Việc đầu tư xây dựng công trình: Nạo vét tuyến kênh từ gốc đa miếu Bà đến cống Bà Xoàng, thôn Phong Cầu 2, xã Kiến Minh là đáp ứng nhu cầu cần thiết, và mong mỏi của bà con nhân dân địa phương.

Trên đây là Báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nạo vét tuyến kênh từ gốc đa miếu Bà đến cống Bà Xoàng, thôn Phong Cầu 2, xã Kiến Minh do Công ty cổ phần Kiến trúc xây dựng Viễn Đông lập, kính trình Ủy ban nhân dân xã Kiến Minh và các Phòng, Ban liên quan xem xét, chấp thuận./.

